TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/03/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghĩa; Bà Nguyễn Thị Liệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 570/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh TRẦN THANH H - sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 43 phố 7, ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Chị VÒNG TÁC P - sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 43 phố 7, ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2018, các bản tự khai, lời khai tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và H giải, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày*:**

Anh và chị Vòng Tác P tự nguyện tìm hiểu nhau, phát sinh tình cảm và chung sống như vợ chồng năm 2011. Năm 2014, anh và chị P đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182/2014 ngày 01/3/2014.

Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị P đam mê cờ bạc, bỏ bê

mọi việc trong nhà. Khi anh và mẹ anh góp ý thì chị P không lắng nghe để sửa đổi mà lại hỗn hào với mẹ anh, đanh đá với anh và ngày càng thiếu trách nhiệm với gia đình.

Vợ chồng anh thường xuyên gây gổ, cãi nhau, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trở nên trầm trọng. Từ đầu năm 2015, anh và chị P đã quyết định ngăn nhà sống ly thân nhau và không ai còn quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với chị Vòng Tác P.

Vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Khánh H2 – sinh ngày 30/10/2013 và Trần Khánh M - sinh ngày 27/10/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu H2 và đồng ý giao cháu M cho chị P; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị Vòng Tác P trình bày: Chị đồng ý với trình bày của anh H về quá trình kết hôn cũng như thông tin về con chung. Tuy nhiên theo chị thì nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do phía anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bạc đãi chị (nhưng chị không có gì chứng minh anh H ngoại tình). Chị vẫn còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn với anh H.

Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đ.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, việc tranh tụng diễn ra như sau:

1/ Anh Trần Thanh H: Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị P vì chị P chỉ lợi dụng anh để bài bạc phá tán tài sản mà không có trách nhiệm người làm dâu, làm vợ, làm mẹ. Do chị P đánh bài thâu đêm và không có trách nhiệm với các con nên anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Anh làm nghề tài xế xe khách - thu nhập bình quân trên 10.000.000đ mỗi tháng và có chỗ ở ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con hơn chị P.

2/ Chị Vòng Tác P: Chị không đồng ý ly hôn vì không làm gì có lỗi. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu nuôi hai con chung và anh H phải cấp dưỡng nuôi con vì chị chưa có nghề nghiệp ổn định.

3/ Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên, việc xử lý đơn khởi kiện là quá hạn, cần rút kinh nghiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh H, chị P đều yêu cầu nuôi dưỡng cả hai con chung và các con đều đang ở chung nhà với cả chị P lẫn anh H. Để đảm bảo quyền lợi cũng như về nghĩa vụ về nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu Trần Khánh H2 cho anh H nuôi và giao cháu Trần Khánh M cho chị P nuôi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm về xử lý tài sản và nghĩa vụ chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Vòng Tác P cư trú tại ấp 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh H và chị Vòng Tác P tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện: cuộc sống vợ chồng giữa anh H và chị P đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng 04 năm qua (BL 25, 26, 27). Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Tuy nhiên, kể từ năm 2015 đến nay, anh H và chị P không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Chị P cho rằng chị không có lỗi và còn tình cảm với anh H nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, chính chị P từng làm đơn ly hôn anh H vào tháng 7 năm 2018 và Tòa án nhân dân huyện Đ đã giải quyết bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 (BL 09) nêu mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị P là có thật; không những vậy, Tòa án đã nhiều lần mời chị P đến để H giải, hàn gắn tình cảm cho hai người nhưng chị P không chấp hành; điều đó thể hiện chị P không còn mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị P đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xin ly hôn với chị P là phù hợp quy định tại Điều 51, 56

Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa anh Trần Thanh H và chị Vòng Tác P là cháu Trần Khánh H2 – sinh ngày 30/10/2013 và Trần Khánh M - sinh ngày 27/10/2015; các cháu đang sống chung tại căn nhà số 43 ấp 7, xã P với chị P, anh H và mẹ anh H.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh H là người có đạo đức, nhân cách tốt; có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; ngược lại chị P là người sa vào tệ nạn xã hội, không làm tròn trách nhiệm người mẹ, có những hành vi ứng xử thiếu chuẩn mực, khi bị góp ý thì đập phá tài sản phải cam kết tại Công an xã nhiều lần (BL 25, 27). Xét thấy, từ khi vợ chồng mâu thuẫn phải sống ly thân thì anh H chăm sóc con chu đáo, nên có cơ sở tin cậy rằng nếu tiếp tục giao các con chung cho anh H nuôi thì các cháu sẽ tiếp tục được chăm sóc tốt, phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao 02 con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị Vòng Tác P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Thanh H không yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị Vòng Tác P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh H, chị P có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Thanh H và bị đơn chị Vòng Tác P được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Trần Khánh H2 – sinh ngày 30/10/2013 và Trần Khánh M - sinh ngày 27/10/2015 cho anh Trần Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị Vòng Tác P không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Trần Thanh H không yêu cầu.

Chị Vòng Tác P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H, chị P có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng. Anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 005867 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Trần Thanh H, chị Vòng Tác P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa